

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....*.....

.....*.....

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25 -10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN - HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mạnh Xuân Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Minh Tuấn và ông Trần Đức Liên;

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn và con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Phường LKT, thành phố Ph, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Anh **Lê Văn Th**, sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn Th, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tại, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Chị kết hôn với anh Lê Văn Th trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do quan điểm sống và cách cư xử trong đời sống vợ chồng cũng như cách dạy dỗ, chăm sóc con giữa chị và anh Th có nhiều điểm bất đồng, từ đó vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, lăng mạ nhau. Vợ chồng nhiều lần sống ly thân và lần gần nhất là từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng sống không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Văn Th có quan điểm: Anh xác nhận về điều kiện, thủ tục kết hôn giữa anh với chị H như chị H đã trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, anh cho rằng: Do hai vợ chồng có một số bất đồng quan điểm trong việc tổ chức cuộc sống và

nuôi dạy con, anh đã chủ động góp ý và mong muốn chị H thay đổi nhưng giữa hai người không tìm được tiếng nói chung. Anh cũng xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân và lần gần đây nhất là vào tháng 9/2018 đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn anh cũng phải chấp nhận.

Về con chung: Chị H và anh Th đều xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Lê Minh L, sinh ngày 24/8/2016. Khi ly hôn chị H và anh Th đều có nguyện vọng xin nuôi cháu L và đều không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh Th đã xuất trình tài liệu, chứng cứ với Tòa án về điều kiện thu nhập của mỗi người để chứng minh cho quan điểm của mình, cụ thể: Chị H cho rằng hiện tại chị đang làm ở Công ty CJ AGRVINA ở Khu Công nghiệp Đồng Văn II thu nhập bình quân mỗi tháng từ 07 đến 08 triệu đồng; anh Th cho rằng hiện tại anh đang làm ở Công ty vận tải NKV ở khu công nghiệp Đồng Văn II thu nhập bình quân mỗi tháng là 10 triệu đồng.

Về tài sản chung; công sức; công nợ: Chị H và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Lê Văn Th; về con chung: Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Minh L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về tài sản, công sức, công nợ của vợ chồng: Do các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên VKSND huyện Duy Tiên phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Lê Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2016, là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[2] *Về tình trạng hôn nhân*: Sau ngày cưới, vợ chồng chị H và anh Th chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cách cư xử và nuôi dạy con, từ đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài và cả hai đều thừa nhận vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân và lần gần đây nhất là vào tháng 9 năm 2018 đến nay, không quan tâm đến nhau. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Th; về phía anh Th xác định tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Song anh Th cũng không đưa ra được biện pháp nào thuyết phục chị H rút đơn về đoàn tụ với anh.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống ly thân kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù giữ nguyên tình trạng sống ly thân của vợ chồng như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là hoàn toàn phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh Th xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Lê Minh L, sinh ngày 24/8/2016, hiện tại cháu L đang ở với chị H. Khi ly hôn, quan điểm của chị H và anh Th đều có nguyện vọng được nuôi cháu L. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, chị H, anh Th đã xuất trình tài liệu, chứng cứ để chứng minh về công việc hiện tại và thu nhập của mình đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, hiện nay cháu L đang ở với chị H và có cuộc sống ổn định. Vì vậy, để không làm xáo trộn cuộc sống cũng như sinh hoạt của cháu, HĐXX cần giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật HN&GD năm 2014.

[4] *Về tài sản chung, công sức, công nợ chung*: Chị H và anh Th không có yêu cầu, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí HNGĐ sơ thẩm*: Chị H phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Lê Văn Th.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Minh L, sinh ngày 24/8/2016 kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Th được quyền chăm sóc và thăm hỏi con chung theo quy định của pháp luật. Chị H và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh Th trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công sức, công nợ chung của vợ chồng: Do các đương sự không có yêu cầu, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

4. Án phí HNGĐ sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai số AA/2015/0003072 ngày 05/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Hà Nam. Nay chị H không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự là chị H và anh Th có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND huyện Duy Tiên.
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên.
- UBND xã Y
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải

